



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động số**

85/GP/KDBH  
85/GPĐC01/KDBH

ngày 8 tháng 2 năm 2021  
ngày 18 tháng 2 năm 2025

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 85/GP/KDBH ngày 8 tháng 2 năm 2021 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh một lần theo Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC01/KDBH ngày 18 tháng 02 năm 2025.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Bae Seung Jun  
Bà Kim Minji  
Ông Joo Sung-Hwan

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 1 tháng 1 năm 2025)  
Thành viên  
(đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)

**Người đại diện  
theo pháp luật**

Ông Bae Seung Jun

Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 17, Tháp B, Khu Thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu Chức năng số 1 - số 15, đường Trần Bạch Đằng, Phường Thủ Thiêm Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Báo cáo của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Bác Seung Jun  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi Nhà Đầu tư Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00473-25-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 01 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.375.540.751.455</b>	<b>1.523.338.345.198</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>115.843.825.930</b>	<b>85.499.013.699</b>
Tiền	111		13.843.825.930	7.999.013.699
Các khoản tương đương tiền	112		102.000.000.000	77.500.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>1.124.857.898.651</b>	<b>1.332.296.400.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		1.124.857.898.651	1.332.296.400.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>114.187.960.199</b>	<b>91.754.115.718</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	29.116.790.996	20.805.638.600
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>131.1</i>		<i>29.116.789.600</i>	<i>20.805.638.600</i>
<i>Phải thu khác của khách hàng</i>	<i>131.2</i>		<i>1.396</i>	-
Trả trước cho người bán	132		710.003.330	1.992.404.200
Phải thu ngắn hạn khác	135	7(a)	84.410.935.790	68.989.784.983
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7(a)	(49.769.917)	(33.712.065)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.651.066.675</b>	<b>13.788.815.781</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	19.358.724.587	12.492.941.424
Thuế phải thu Nhà nước	154	15(b)	1.292.342.088	1.295.874.357

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>961.307.737.894</b>	<b>856.601.938.214</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>51.941.177.430</b>	<b>58.582.010.190</b>
Phải thu dài hạn khác	218	7(b)	51.941.177.430	58.582.010.190
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	218.1		15.000.000.000	15.000.000.000
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	218.2		36.941.177.430	43.582.010.190
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>146.480.077.167</b>	<b>143.271.813.697</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	19.424.715.789	28.518.014.504
<i>Nguyên giá</i>	222		62.512.045.811	54.378.079.089
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(43.087.330.022)	(25.860.064.585)
Tài sản cố định vô hình	227	9	127.055.361.378	114.753.799.193
<i>Nguyên giá</i>	228		194.042.033.288	152.582.436.072
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(66.986.671.910)	(37.828.636.879)
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>10</b>	<b>29.371.570.020</b>	<b>18.264.775.053</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>709.000.000.000</b>	<b>624.600.000.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		709.000.000.000	624.600.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.514.913.277</b>	<b>11.883.339.274</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	19.763.607.699	10.929.342.354
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	4.751.305.578	953.996.920
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.336.848.489.349</b>	<b>2.379.940.283.412</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>314.719.440.816</b>	<b>136.877.769.626</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.938.616.469</b>	<b>42.867.387.287</b>
Phải trả cho người bán	312	14	59.304.904.084	19.391.035.850
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>312.1</i>		<i>37.187.012.189</i>	<i>10.857.095.150</i>
<i>Phải trả khác cho người bán</i>	<i>312.2</i>		<i>22.117.891.895</i>	<i>8.533.940.700</i>
Thuế phải nộp Nhà nước	314	15(a)	2.958.854.586	1.866.141.296
Phải trả người lao động	315		244.050.209	269.783.542
Chi phí phải trả	316	16	32.687.994.933	20.477.141.797
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		457.364.531	392.238.665
Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319.1		285.448.126	471.046.137
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>218.780.824.347</b>	<b>94.010.382.339</b>
Dự phòng nghiệp vụ	344	17	218.780.824.347	94.010.382.339
<i>Dự phòng toán học</i>	<i>344.1</i>		<i>205.535.103.151</i>	<i>85.579.102.867</i>
<i>Dự phòng phí chưa được hưởng</i>	<i>344.2</i>		<i>12.550.662.256</i>	<i>7.300.124.527</i>
<i>Dự phòng bồi thường</i>	<i>344.3</i>		<i>695.058.940</i>	<i>1.131.154.945</i>
<b>Vốn chủ sở hữu (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.022.129.048.533</b>	<b>2.243.062.513.786</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>2.022.129.048.533</b>	<b>2.243.062.513.786</b>
Vốn góp	411		2.320.000.000.000	2.320.000.000.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		355.003.758	355.003.758
Lỗi lũy kế	421		(298.225.955.225)	(77.292.489.972)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.336.848.489.349</b>	<b>2.379.940.283.412</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

16/11/2024



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DNNT**  
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cam kết thuê hoạt động (VND)	29	213.810.913.519	64.461.421.503

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Lê Thị Minh Thúy  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bae Seung Jun  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 02 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

	<b>Mã số</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	255.819.914.825	214.287.030.311
Doanh thu hoạt động tài chính	12	145.806.312.419	176.975.390.172
Thu nhập khác	13	196.604.387	9.700
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	173.511.976.768	97.311.229.990
Chi phí hoạt động tài chính	22	8.493.422	22.719.555
Chi phí bán hàng	23	248.973.847.581	192.006.689.220
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	200.135.308.299	153.006.094.613
Chi phí khác	25	3.923.979.472	1.741.562
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 10 + 12 + 13 – 20 – 22 – 23 – 24 – 25)</b>	<b>50</b>	<b>(224.730.773.911)</b>	<b>(51.086.044.757)</b>
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	(3.797.308.658)	(1.326.907.439)
<b>Lỗ sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 – 52)</b>	<b>60</b>	<b>(220.933.465.253)</b>	<b>(49.759.137.318)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 – 01.3)	01		255.819.914.825	214.287.030.311
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1	19	261.070.452.554	216.937.121.700
- Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc	01.3	17	5.250.537.729	2.650.091.389
<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01)</b>	<b>03</b>		<b>255.819.914.825</b>	<b>214.287.030.311</b>
<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03)</b>	<b>10</b>		<b>255.819.914.825</b>	<b>214.287.030.311</b>
Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	11		7.138.213.539	1.529.152.157
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	13	17	119.519.904.279	62.904.884.596
<b>Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15 = 11 + 13)</b>	<b>15</b>	<b>20</b>	<b>126.658.117.818</b>	<b>64.434.036.753</b>
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16 = 16.1 + 16.2)	16		46.853.858.950	32.877.193.237
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	16.1		46.824.066.950	32.828.406.255
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	16.2	21	29.792.000	48.786.982
<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)</b>	<b>17</b>		<b>173.511.976.768</b>	<b>97.311.229.990</b>
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 – 17)</b>	<b>18</b>		<b>82.307.938.057</b>	<b>116.975.800.321</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**  
**(TIẾP THEO)**

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	22	22	145.806.312.419	176.975.390.172
Chi phí hoạt động tài chính	23		8.493.422	22.719.555
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính</b> <b>(24 = 22 – 23)</b>	<b>24</b>		<b>145.797.818.997</b>	<b>176.952.670.617</b>
Chi phí bán hàng	25	23	248.973.847.581	192.006.689.220
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	200.135.308.299	153.006.094.613
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30 = 18 + 24 – 25 – 26)</b>	<b>30</b>		<b>(221.003.398.826)</b>	<b>(51.084.312.895)</b>
Thu nhập khác	31		196.604.387	9.700
Chi phí khác	32		3.923.979.472	1.741.562
<b>Kết quả từ hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>		<b>(3.727.375.085)</b>	<b>(1.731.862)</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(224.730.773.911)</b>	<b>(51.086.044.757)</b>
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	25	(3.797.308.658)	(1.326.907.439)
<b>Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 – 52)</b>	<b>60</b>		<b>(220.933.465.253)</b>	<b>(49.759.137.318)</b>

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Lê Thị Minh Thúy  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bắc Seung Jun  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lỗ trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(224.730.773.911)</b>	<b>(51.086.044.757)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	47.173.782.317	39.406.153.841
Các khoản dự phòng	03	124.786.499.860	65.588.688.050
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(145.458.023.490)	(176.975.390.172)
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(198.228.515.224)</b>	<b>(123.066.593.038)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(8.583.860.590)	(9.384.528.987)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	47.776.366.950	(19.523.757.558)
Biến động chi phí trả trước	12	(15.700.048.508)	(5.398.498.972)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(174.736.057.372)</b>	<b>(157.373.378.555)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(56.542.267.451)	(53.099.940.636)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	175.500.000	-
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, mua công cụ nợ	23	(1.209.262.157.587)	(1.856.896.400.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tiền bán công cụ nợ	24	1.332.300.658.936	1.891.655.000.000
Tiền thu lãi	27	138.409.135.705	151.710.535.141
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>205.080.869.603</b>	<b>133.369.194.505</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		2024 VND	2023 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	30.344.812.231	(24.004.184.050)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	85.499.013.699	109.503.197.749
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	115.843.825.930	85.499.013.699

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Lê Thị Minh Thúy  
*Kế toán trưởng*

Người phê duyệt:



Bae Seung Jun  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam (“Công ty”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 85/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp vào ngày 8 tháng 2 năm 2021. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh một lần theo Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC01/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18 tháng 2 năm 2025.

### (b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với các nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe, quản lý quỹ và đầu tư tài chính.

### (c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được mặc định là 12 tháng.

### (d) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 17, Tháp B, Khu Thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu Chức năng số 1 - số 15, đường Trần Bạch Đằng, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty có hai (02) địa điểm kinh doanh (31/12/2023: bốn (4) địa điểm kinh doanh).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 162 nhân viên (31/12/2023: 110 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt ở một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia hoặc các quyền tài phán khác ngoài Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không dành cho những người không có hiểu biết về các nguyên tắc và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm.



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(e) Hình thức sổ sách kế toán**

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch và hình thức chứng từ kế toán là sổ cái.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



(c) Các khoản đầu tư

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua trái phiếu được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm, các khoản phải thu khách hàng khác và các khoản phải thu khác được phân loại theo bản chất của chúng như sau:

- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải thu thương mại phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm;
- Phải thu khách hàng khác là các khoản phải thu phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ không phải là dịch vụ bảo hiểm; và
- Phải thu khác là các khoản phải thu không phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ.

Phải thu về hợp đồng bảo hiểm, phải thu khách hàng khác và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào tình trạng quá hạn của các khoản phải thu hoặc tổn thất dự kiến đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán có thể xảy ra khi tổ chức kinh tế bị phá sản, giải thể; hoặc người mắc nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, đang bị giam, đang bị xét xử, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn, Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào tình trạng quá hạn như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ hai 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Trên 3 năm	100%

Dự phòng phải thu khó đòi dựa theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định dựa trên quyết định của Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét khả năng thu hồi của khoản nợ.

**(e) Ký quỹ bảo hiểm**

Theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 (“Nghị định 46”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc này chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ có thể được rút toàn bộ khi Công ty chấm dứt hoạt động.

Ký quỹ bảo hiểm được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 8 năm.

**(ii) Phí bản quyền**

Phí bản quyền được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 11 năm.



**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc dưới hình thức chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc khoảng thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Phí hỗ trợ và bảo trì phần mềm máy vi tính**

Phí hỗ trợ và bảo trì phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm, phải trả khác cho người bán và các khoản phải trả khác được phân loại theo bản chất của chúng như sau:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả thương mại phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm;
- Phải trả khác cho người bán là khoản phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ khác dịch vụ bảo hiểm; và
- Khoản phải trả khác là khoản phát sinh không phải từ việc mua hàng hóa và dịch vụ.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Dự phòng nghiệp vụ**

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo quy định và hướng dẫn của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 (“Thông tư 67”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định 46.

Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

**(i) Dự phòng toán học**

Dự phòng toán học được trích lập cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm, được tính toán dựa trên các giả định và phương pháp dự phòng được Bộ Tài chính phê duyệt như sau:

*Tỷ lệ tử vong*

Tỷ lệ tử vong áp dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.

*Lãi suất kỹ thuật:*

Lãi suất kỹ thuật được thiết lập ở mức 2,12%/năm tại thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2023.

*Các phương pháp tính dự phòng*

- Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp
  - Các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm áp dụng phương pháp phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh bởi hệ số Zillmer 3% số tiền bảo hiểm. Phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh dùng để tính dự phòng không được cao hơn 100% phí bảo hiểm thực tế thu được.
- Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tử kỳ
  - Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 đến 5 năm áp dụng phương pháp phí bảo hiểm thuần.
  - Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm áp dụng phương pháp phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh FPT 12 tháng.
- Sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: số lớn hơn giữa phương pháp phí bảo hiểm thuần và phương pháp dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng 1/8.

**(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng**

Dự phòng phí chưa được hưởng chỉ áp dụng cho các hợp đồng có thời hạn không quá một năm và được tính dựa trên cơ sở phí bảo hiểm gộp như sau:

Dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng = Tổng phí bảo hiểm x Tỷ lệ dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng.



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNNT**

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Dự phòng bồi thường**

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo.

- Dự phòng bồi thường chưa giải quyết là khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường đã thông báo cho Công ty nhưng chưa được giải quyết vào cuối kỳ kế toán năm. Dự phòng bồi thường chưa giải quyết được tính theo phương pháp từng hồ sơ.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (“IBNR”) là khoản dự phòng được lập cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường vào cuối kỳ kế toán năm.
  - Sản phẩm nhân thọ tử kỳ: được trích ở mức 3% tổng số phí bảo hiểm của sản phẩm ghi nhận trong 12 tháng gần nhất đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống; và
  - Sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: được trích ở mức 3% tổng số phí bảo hiểm của sản phẩm ghi nhận trong 12 tháng gần nhất.

**(iv) Dự phòng bảo đảm cân đối**

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm bằng 1% lợi nhuận trước thuế cho đến khi số dư của khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính.

**(m) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(n) Quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Nghị định 46, Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi số dư quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

## Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### (p) Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo yêu cầu và hướng dẫn của Thông tư 67.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm), cụ thể như sau:

- khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Công ty và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trong trường hợp rủi ro bảo hiểm được hủy bỏ và cần thiết phải hoàn trả phí bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh.

#### (q) Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm

Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm bao gồm khoản bồi thường đáo hạn, quyền lợi bằng tiền chi trả định kỳ, giá trị hoàn lại, chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và tử vong. Quyền lợi bảo hiểm đáo hạn được ghi nhận như là chi phí tại ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm. Quyền lợi bằng tiền chi trả định kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản thanh toán định kỳ đến hạn thanh toán. Giá trị hoàn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thanh toán và chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và tử vong được ghi nhận khi được phê duyệt.

#### (r) Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm của phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**(s) Doanh thu từ hoạt động tài chính**

***Thu nhập từ tiền lãi***

Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(t) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư (công ty mẹ), công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(v) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 199 không được trình bày trong báo cáo tài chính này nghĩa là số dư bằng không.

**(w) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	13.843.825.930	7.999.013.699
Các khoản tương đương tiền	102.000.000.000	77.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>115.843.825.930</u>	<u>85.499.013.699</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 4,75%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: từ 3,50% đến 4,55%).

**5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn (i)	1.124.857.758.647	1.332.296.400.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	902.557.758.647	902.296.400.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi	222.300.000.000	430.000.000.000
Khoản tạm ứng trả phí tự động từ giá trị hoàn lại	140.004	-
	<u>1.124.857.898.651</u>	<u>1.332.296.400.000</u>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày báo cáo, và hưởng lãi suất năm từ 4,20% đến 9,20% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: từ 4,90% đến 9,70%).

**6. Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		
<i>Phải thu phí bảo hiểm từ chủ hợp đồng</i>	<i>29.116.789.600</i>	<i>20.805.638.600</i>
▪ Các bên thứ ba	3.629.646.000	7.730.218.000
▪ Các bên liên quan – thu hộ cho Công ty	25.487.143.600	13.075.420.600
Phải thu khác của khách hàng		
<i>Lãi dự thu từ tạm ứng trả phí tự động từ giá trị hoàn lại</i>	<i>1.396</i>	-
	<u>29.116.790.996</u>	<u>20.805.638.600</u>

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Các khoản phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngân hàng	50.940.080.996	-	48.587.896.224	-
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn	27.721.228.878	-	17.709.917.809	-
Lãi dự thu từ trái phiếu doanh nghiệp	3.522.465.754	-	-	-
Tiền ký quỹ ngắn hạn	427.634.130	(47.196.891)	561.754.130	(33.712.065)
Các khoản phải thu khác	1.799.526.032	(2.573.026)	2.130.216.820	-
	<b>84.410.935.790</b>	<b>(49.769.917)</b>	<b>68.989.784.983</b>	<b>(33.712.065)</b>

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Ký quỹ bảo hiểm (i)	15.000.000.000	15.000.000.000
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn dài hạn tại ngân hàng	14.537.172.609	9.259.749.042
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi dài hạn	10.725.917.804	24.607.770.676
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	9.868.557.017	6.684.583.413
Các khoản phải thu khác	1.809.530.000	3.029.907.059
	<b>51.941.177.430</b>	<b>58.582.010.190</b>

- (i) Công ty đã gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, một bên liên quan, để làm khoản ký quỹ bảo hiểm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất hàng năm từ 4,0% đến 4,2% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: từ 5,6% đến 8,4%).



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	53.782.108.769	595.970.320	54.378.079.089
Tăng trong năm	2.391.933.900	-	2.391.933.900
Chuyển từ xây dựng cơ bản	6.878.803.600	-	6.878.803.600
Thanh lý	(901.711.764)	(235.059.014)	(1.136.770.778)
Số dư cuối năm	62.151.134.505	360.911.306	62.512.045.811
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	25.611.081.430	248.983.155	25.860.064.585
Khấu hao trong năm	17.916.216.665	99.530.621	18.015.747.286
Thanh lý	(662.842.806)	(125.639.043)	(788.481.849)
Số dư cuối năm	42.864.455.289	222.874.733	43.087.330.022
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	28.171.027.339	346.987.165	28.518.014.504
Số dư cuối năm	19.286.679.216	138.036.573	19.424.715.789



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Phí bản quyền VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	128.099.920.154	24.482.515.918	152.582.436.072
Tăng trong năm	18.542.244.138	10.549.510.000	29.091.754.138
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.367.843.078	-	12.367.843.078
Số dư cuối năm	159.010.007.370	35.032.025.918	194.042.033.288
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	31.936.874.251	5.891.762.628	37.828.636.879
Khấu hao trong năm	24.925.272.784	4.232.762.247	29.158.035.031
Số dư cuối năm	56.862.147.035	10.124.524.875	66.986.671.910
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	96.163.045.903	18.590.753.290	114.753.799.193
Số dư cuối năm	102.147.860.335	24.907.501.043	127.055.361.378

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	18.264.775.053	3.232.213.125
Tăng trong năm	30.993.328.645	22.765.136.928
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8)	(6.878.803.600)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	(12.367.843.078)	(7.732.575.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12(b))	(639.887.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29.371.570.020</b>	<b>18.264.775.053</b>

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn:

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Hệ thống công nghệ thông tin	29.371.570.020	18.264.775.053

**11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2024</b> <b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>Giá gốc</b> <b>VND</b>
Các khoản đầu tư dài hạn khác		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	379.000.000.000	302.300.000.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi (ii)	230.000.000.000	322.300.000.000
▪ Trái phiếu doanh nghiệp (iii)	100.000.000.000	-
	<b>709.000.000.000</b>	<b>624.600.000.000</b>

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm tại ngày báo cáo và hưởng lãi suất năm từ 5,80 đến 6,90% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: từ 5,70% đến 9,20%).
- (ii) Các chứng chỉ tiền gửi này có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm và hưởng lãi suất năm từ 6,10% đến 8,80% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: 8,10% đến 8,80%).
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các trái phiếu doanh nghiệp này hưởng lãi suất năm là 6,50%. Tiền lãi của các trái phiếu này được trả hàng năm.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Chí phí trả trước****(a) Chí phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí bảo trì và hỗ trợ	17.111.416.018	11.096.762.805
Học phí	736.283.279	968.652.055
Chí phí thuê	609.380.000	149.000.000
Chí phí khác	901.645.290	278.526.564
	<hr/>	<hr/>
	19.358.724.587	12.492.941.424

**(b) Chí phí trả trước dài hạn**

	<b>Thiết bị công nghệ thông tin VND</b>	<b>Phí hỗ trợ và bảo trì phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chí phí khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	4.882.874.565	2.810.691.473	2.840.250.286	395.526.030	10.929.342.354
Tăng trong năm	1.521.890.366	2.973.062.111	17.083.957.957	27.390.000	21.606.300.434
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	639.887.000	639.887.000
Phân bổ trong năm	(3.925.937.832)	(4.329.789.990)	(4.740.678.110)	(406.467.770)	(13.402.873.702)
Thanh lý	-	-	-	(9.048.387)	(9.048.387)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.478.827.099	1.453.963.594	15.183.530.133	647.286.873	19.763.607.699





**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNNT**

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Chi phí phải trả	4.702.495.536	900.040.212
Dự phòng trợ cấp thôi việc	48.810.042	53.956.708
	<hr/> 4.751.305.578	<hr/> 953.996.920

**14. Phải trả cho người bán**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	37.187.012.189	10.857.095.150
▪ <i>Tiền bồi thường và quyền lợi bảo hiểm phải trả cho chủ hợp đồng</i>	819.800.862	75.306.470
▪ <i>Thu nhập phải trả cho các đại lý</i>	11.770.836.112	1.287.692.415
▪ <i>Thu nhập phải trả cho các kênh phân phối khác (i)</i>	24.596.375.215	9.494.096.265
Phải trả khác cho người bán	22.117.891.895	8.533.940.700
▪ <i>Phải trả cho nhà cung cấp</i>	22.117.891.895	8.533.940.700
	<hr/> 59.304.904.084	<hr/> 19.391.035.850

(i) Chi tiết thu nhập phải trả cho các kênh phân phối khác:

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Thuyết minh 26(b))	419.380.230	314.713.350
Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Thuyết minh 26(b))	16.952.142.385	8.684.519.190
Các bên thứ ba	7.224.852.600	494.863.725
	<hr/> 24.596.375.215	<hr/> 9.494.096.265

## 15. Thuế (phải nộp)/phải thu Nhà nước

### (a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	33.045.994	191.692.488	(181.510.474)	43.228.008
Thuế thu nhập cá nhân	1.693.486.152	16.427.596.712	(15.215.788.125)	2.905.294.739
Các loại thuế khác	139.609.150	1.002.451.384	(1.131.728.695)	10.331.839
	1.866.141.296	17.621.740.584	(16.529.027.294)	2.958.854.586

### (b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2024 VND	Cán trừ VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.292.342.088	-	1.292.342.088
Các loại thuế khác	3.532.269	(3.532.269)	-
	1.295.874.357	(3.532.269)	1.292.342.088

## 16. Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phí tư vấn	6.579.157.602	6.646.819.681
Phí hỗ trợ kinh doanh	7.743.431.903	4.400.201.056
Tiền thưởng cho nhân viên	9.175.517.251	5.414.144.832
Các chi phí khác	9.189.888.177	4.015.976.228
	32.687.994.933	20.477.141.797

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
 ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Dự phòng nghiệp vụ**

	Dự phòng toán học VND (ii)	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng bồi thường VND (i)	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	23.478.318.009	4.650.033.138	327.055.207	28.455.406.354
Trích lập dự phòng trong năm	62.100.784.858	2.650.091.389	804.099.738	65.554.975.985
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	85.579.102.867	7.300.124.527	1.131.154.945	94.010.382.339
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	119.956.000.284	5.250.537.729	(436.096.005)	124.770.442.008
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	205.535.103.151	12.550.662.256	695.058.940	218.780.824.347

(i) Chi tiết dự phòng bồi thường như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự phòng bồi thường IBNR	685.058.940	511.672.971
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết	10.000.000	619.481.974
	695.058.940	1.131.154.945



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Biến động dự phòng toán học trong năm như sau:

<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>1/1/2024</b>	<b>Biến động trong năm</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng toán học cho sản phẩm bảo hiểm truyền thống	85.579.102.867	119.956.000.284	205.535.103.151
<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>1/1/2023</b>	<b>Biến động trong năm</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng toán học cho sản phẩm bảo hiểm truyền thống	23.478.318.009	62.100.784.858	85.579.102.867

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vốn chủ sở hữu**

**(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	2.320.000.000.000	355.003.758	(27.533.352.654)	2.292.821.651.104
Lỗ trong năm	-	-	(49.759.137.318)	(49.759.137.318)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.320.000.000.000	355.003.758	(77.292.489.972)	2.243.062.513.786
Lỗ trong năm	-	-	(220.933.465.253)	(220.933.465.253)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.320.000.000.000	355.003.758	(298.225.955.225)	2.022.129.048.533

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vốn góp**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2023	
	VND	%
Shinhan Life Insurance Corporation	2.320.000.000.000	100

Công ty mẹ, Shinhan Life Insurance Corporation, và công ty mẹ cấp cao nhất, Tập đoàn Tài chính Shinhan, được thành lập tại Hàn Quốc.

**19. Phí bảo hiểm gốc**

	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm tử kỳ	200.158.372.800	191.518.680.700
Bảo hiểm hỗn hợp	47.382.778.754	20.160.838.000
Bảo hiểm sức khỏe	13.529.301.000	5.257.603.000
	<u>261.070.452.554</u>	<u>216.937.121.700</u>

**20. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí bồi thường và trả quyền lợi bảo hiểm		
Trong đó	7.138.213.539	1.529.152.157
▪ <i>Bảo hiểm sức khỏe</i>	586.349.000	442.899.000
▪ <i>Bảo hiểm tử kỳ</i>	6.525.882.890	922.643.887
▪ <i>Bảo hiểm hỗn hợp</i>	25.981.649	163.609.270
Tăng/(giảm) dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc (Thuyết minh 17)	119.519.904.279	62.904.884.596
▪ <i>Dự phòng toán học</i>	119.956.000.284	62.100.784.858
▪ <i>Dự phòng bồi thường</i>	(436.096.005)	804.099.738
	<u>126.658.117.818</u>	<u>64.434.036.753</u>



## 21. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	2024 VND	2023 VND
Chi phí giám định bồi thường	29.792.000	48.079.000
Các chi phí khác	-	707.982
	29.792.000	48.786.982

## 22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi từ:	145.690.669.391	176.967.201.222
▪ Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	23.408.391	36.383.633
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	86.751.699.069	99.769.567.458
▪ Chứng chỉ tiền gửi	55.297.813.978	77.161.250.131
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	3.522.465.754	-
▪ Tạm ứng trả phí tự động từ giá trị hoàn lại	5.486	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	115.643.028	8.188.950
	145.806.312.419	176.975.390.172

## 23. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Tiền thưởng cho đại lý và các kênh phân phối khác	142.811.083.555	133.338.034.815
Tiền lương và chi phí liên quan	45.341.366.193	25.541.171.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.519.046.971	18.119.948.003
Công cụ, thiết bị và văn phòng phẩm	328.618.541	535.627.673
Chi phí hỗ trợ bán hàng	26.413.757.490	4.167.154.982
Các chi phí bán hàng khác	11.559.974.831	10.304.751.943
	248.973.847.581	192.006.689.220

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Tiền lương và chi phí liên quan	66.548.402.011	53.646.895.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.563.245.109	44.124.836.292
Chi phí khấu hao	47.173.782.317	39.406.153.841
Công cụ, thiết bị và văn phòng phẩm	16.691.889.479	11.570.681.918
Chi phí thuế, phí và lệ phí	7.000.000	6.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	16.057.852	33.712.065
Các chi phí khác	8.134.931.531	4.217.815.474
	<hr/> <hr/> 200.135.308.299	<hr/> <hr/> 153.006.094.613

**25. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(3.797.308.658)	(1.326.907.439)
	<hr/> <hr/> (3.797.308.658)	<hr/> <hr/> (1.326.907.439)

**(b) Đối chiếu thuế suất hiện hành**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Lỗi kế toán trước thuế	(224.730.773.911)	(51.086.044.757)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(44.946.154.782)	(10.217.208.951)
Chi phí không được khấu trừ thuế	577.953.911	175.157.499
Tài sản thu nhập thuế hoãn lại không được ghi nhận	40.570.892.213	8.715.144.013
	<hr/> <hr/> (3.797.308.658)	<hr/> <hr/> (1.326.907.439)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp cần phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Tài sản thu nhập thuế hoãn lại không được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế (i)	271.773.291.446	54.166.472.385	62.323.477.369	12.464.695.474
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	9.381.587.730	1.835.103.450	15.976.940.741	3.195.388.148
	281.154.879.174	56.001.575.835	78.300.418.110	15.660.083.622

**(i) Các khoản lỗ tính thuế sẽ hết hạn vào những năm sau:**

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	28.368.275.776
2028	Chưa quyết toán	33.955.201.593
2029	Chưa quyết toán	209.449.814.077
		271.773.291.446

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực theo luật thuế hiện hành. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan****(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
<b>Shinhan Life Insurance Corporation</b>		
Mua dịch vụ	7.212.731.109	7.217.625.769
<i>Các công ty cùng tập đoàn</i>		
<b>Công ty TNHH Shinhan DS Việt Nam</b>		
Mua dịch vụ	3.862.246.088	6.586.842.940
<b>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>		
Thu nhập lãi	6.407.251.110	19.190.980.115
Hoa hồng, tiền thưởng và các khoản phụ cấp khác cho hoạt động đại lý bảo hiểm	19.996.875.135	8.143.301.121
Phí ngân hàng	31.437.158	33.624.981
<b>Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>		
Phí bảo hiểm phát sinh từ hoạt động đại lý bảo hiểm	160.191.206.800	182.169.454.700
Hoa hồng, tiền thưởng và các khoản phụ cấp khác cho hoạt động đại lý bảo hiểm	109.126.949.213	138.569.522.671
Chi hệ tiền bồi thường cho Công ty	1.876.046.736	459.289.087
Thu nhập lãi	25.295.890.416	58.282.465.747
<i>Các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Tiền lương và thưởng	11.644.719.520	11.465.148.162
Các khoản phúc lợi khác	3.496.706.839	3.921.118.184

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Số dư với các bên liên quan**

	Số dư tại ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
<i>Các công ty liên quan khác</i>		
<b>Công ty Shinhan DS Việt Nam</b>		
Trả trước cho nhà cung cấp	-	428.065.000
<b>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>		
Tiền gửi ngân hàng	13.737.017.452	7.878.333.261
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	6.757.758.647	249.196.400.000
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	20.000.000.000	4.500.000.000
Tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	15.000.000.000	15.000.000.000
Khoản phải trả	419.380.230	314.713.350
<b>Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>		
Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn	100.000.000.000	200.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi dài hạn	100.000.000.000	200.000.000.000
Khoản phải thu	25.847.143.600	13.075.420.600
Khoản phải trả	16,952,142,385	8.684.519.190

**27. Khung quản lý rủi ro****(a) Cơ chế quản trị rủi ro**

Công ty thực hiện công tác quản lý rủi ro dựa trên cơ sở thiết lập khung quản trị rủi ro toàn diện và triển khai các cấu phần phù hợp với quy định của pháp luật, chiến lược kinh doanh theo từng giai đoạn. Các nguyên tắc quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro ban hành bởi Hội đồng Thành viên được xây dựng trên cơ sở đánh giá rủi ro trọng yếu và mức độ chấp nhận rủi ro. Tại cấp độ Ban Điều hành, công tác quản lý rủi ro được triển khai thành các quy trình, quy định, hạn mức nhằm đảm bảo mọi hoạt động tại các đơn vị kinh doanh, nghiệp vụ hoạt động theo các nguyên tắc và khẩu vị rủi ro đã được ban hành.

Thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ theo mô hình ba tuyến bảo vệ và quy trình quản lý rủi ro đầy đủ các bước (từ nhận diện, đo lường, giám sát đến quản lý rủi ro), hoạt động quản lý rủi ro đã được triển khai trên toàn Công ty nhằm kiểm soát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các rủi ro và đạt được mục tiêu do Hội đồng thành viên đề ra. Việc thực hiện, theo dõi, đánh giá công tác quản lý rủi ro và cập nhật các quy định nội bộ được thực hiện định kỳ hoặc khi có sự thay đổi từ môi trường kinh doanh, yêu cầu pháp lý, hoặc chiến lược kinh doanh của Công ty.

**(b) Rủi ro bảo hiểm và chính sách quản lý**

**(i) Chính sách chấp nhận rủi ro bảo hiểm**

Để đảm bảo tính phù hợp của các rủi ro bảo hiểm được chấp nhận bởi Công ty:

- Thường xuyên cập nhật với công ty tái bảo hiểm nhằm đảm bảo sử dụng các hướng dẫn, công cụ thẩm định mới, đồng thời chủ động làm việc với công ty tái bảo hiểm trong quá trình thẩm định các trường hợp đặc biệt.

**(ii) Phương pháp đánh giá và quản lý rủi ro phát sinh**

Thực hiện nghiên cứu về kinh nghiệm thực tế liên quan tới các yếu tố rủi ro bảo hiểm. Những nghiên cứu nội bộ này cùng với dữ liệu thị trường được dùng để xác định các xu hướng mới có thể được sử dụng để cung cấp thông tin về thiết kế sản phẩm, định giá, thẩm định, quản lý yêu cầu bồi thường và nhu cầu tái bảo hiểm.

Giám sát các giao dịch một cách liên tục thông qua việc sử dụng các chỉ số khác nhau.

**(iii) Các phương pháp sử dụng để hạn chế hoặc chuyển giao rủi ro**

Công ty làm việc với các công ty tái bảo hiểm về hoạt động tái bảo hiểm.

**(iv) Cam kết huy động hoặc góp vốn thực hiện nghĩa vụ thanh toán**

Nhằm đảm bảo cho việc chi trả các trách nhiệm bảo hiểm đã cam kết, Công ty:

- Duy trì tài sản tiền mặt trên mức yêu cầu tối thiểu theo quy định của pháp luật; và
- Duy trì biên khả năng thanh toán tốt, cao hơn ít nhất 10% so với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

**(v) Những thay đổi về phương pháp và giả định được sử dụng**

**Quy trình xây dựng các giả định**

Quy trình xây dựng các giả định là nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả trong tương lai. Điều này đạt được bằng cách áp dụng các giả định có đo lường tốt nhất đến các biến động hợp lý trong thực tiễn hoạt động. Việc xem xét thường xuyên các kinh nghiệm liên quan được thực hiện để đảm bảo tính hợp lý của các giả định được áp dụng và các ước tính khả thi nhất đối với kết quả trong tương lai. Các giả định được xem xét bao gồm xác suất xảy ra tổn thất và lợi nhuận đầu tư.

Phương pháp tính dự phòng nghiệp vụ cho từng loại sản phẩm được mô tả tại Thuyết minh 3(l).





### **Các giả định**

Tỷ lệ tử vong: bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong dự phòng dựa trên cơ sở tính toán đã được phê duyệt và tuân thủ theo yêu cầu quy định của pháp luật. Công ty luôn đảm bảo tỷ lệ tử vong áp dụng trong dự phòng không thấp hơn tỷ lệ được sử dụng để tính phí sản phẩm bảo hiểm.

Tỷ lệ bệnh tật: tỷ lệ xảy ra bệnh tật sử dụng trong dự phòng dựa trên cơ sở tính toán đã được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các bệnh hiểm nghèo và thương tật, và thường được cung cấp bởi các công ty tái bảo hiểm có kinh nghiệm từ các thị trường tương tự.

Lãi suất dự phòng kỹ thuật (VIR): Công ty sử dụng lãi suất dự phòng kỹ thuật cho các sản phẩm đã được Bộ Tài chính phê duyệt. Các mức lãi suất này có thể được điều chỉnh trong trường hợp lãi suất trái phiếu Chính phủ có biến động, nhưng chỉ sau khi được Bộ Tài chính phê duyệt.

## **28. Các công cụ tài chính**

Các giao dịch bằng công cụ tài chính có thể dẫn đến việc Công ty phải gánh chịu rủi ro tài chính. Chúng bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Mỗi rủi ro tài chính này được mô tả dưới đây, cùng với bản tóm tắt các cách thức Công ty quản lý những rủi ro này.

### **(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ. Mục đích của quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro thị trường trong giới hạn chấp nhận được nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

#### **(i) Rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính biến động do các thay đổi trong tỷ giá ngoại tệ so với VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Hầu hết các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng VND và rủi ro tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh đối với đồng đô la Mỹ và đồng Won Hàn Quốc. Phần lớn các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận bằng cùng loại tiền tệ với nợ tài chính từ các hợp đồng bảo hiểm và đầu tư, chủ yếu là VND. Do đó, Công ty không có rủi ro trọng yếu về tỷ giá hối đoái.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường.

Các chính sách, thủ tục sau đây được áp dụng để giảm thiểu rủi ro lãi suất:

- Công ty đã xây dựng và thực hiện các nguyên tắc đầu tư và cố gắng đạt được các tiêu chí đầu tư, và đảm bảo những biến động của tài sản trên thị trường được theo dõi liên tục và kịp thời.
- Công ty cũng thiết lập các giới hạn đầu tư chiến lược rõ ràng, và sẽ được xem xét thường xuyên bởi Ủy ban Đầu tư.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty là:

	<b>31/12/2024</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>VND</b>
<b>Công cụ tài chính với lãi suất cố định</b>		
<b>Tài sản tài chính</b>		
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng	13.843.825.930	7.999.013.699
▪ Các khoản tương đương tiền	102.000.000.000	77.500.000.000
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	902.557.758.647	902.296.400.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi	222.300.000.000	430.000.000.000
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	379.000.000.000	302.300.000.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi	230.000.000.000	322.300.000.000
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	100.000.000.000	-
<hr/>		
<b>Công cụ tài chính với lãi suất thả nổi</b>		
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tạm ứng trả phí tự động từ giá trị hoàn lại	140.004	-
Ký quỹ bảo hiểm	15.000.000.000	15.000.000.000
<hr/>		

**(iii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn**

Công ty không nắm giữ chứng khoán vốn tại ngày báo cáo. Do đó, Công ty không chịu rủi ro về giá chứng khoán vốn.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNNT**

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
 ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính có thể phát sinh đối với Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác tham gia vào công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Công ty áp dụng chính sách giao dịch với khách hàng/đối tác có lịch sử tín dụng phù hợp để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>Không quá hạn và không được trích lập dự phòng VND</b>	<b>Quá hạn nhưng chưa được trích lập dự phòng VND</b>	<b>Quá hạn và đã được trích lập dự phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.843.825.930	-	-	115.843.825.930
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.124.857.898.651	-	-	1.124.857.898.651
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	29.116.790.996	-	-	29.116.790.996
Các khoản phải thu khác	84.258.365.608	80.000.000	72.570.182	84.410.935.790
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	709.000.000.000	-	-	709.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	36.941.177.430	-	-	36.941.177.430
	<b>2.115.018.058.615</b>	<b>80.000.000</b>	<b>72.570.182</b>	<b>2.115.170.628.797</b>



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNNT**

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
 ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không quá hạn và không được trích lập dự phòng VND	Quá hạn nhưng chưa được trích lập dự phòng VND	Quá hạn và và được trích lập dự phòng VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.499.013.699	-	-	85.499.013.699
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.332.296.400.000	-	-	1.332.296.400.000
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	20.805.638.600	-	-	20.805.638.600
Các khoản phải thu khác	68.842.360.853	80.000.000	67.424.130	68.989.784.983
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	624.600.000.000	-	-	624.600.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	43.582.010.190	-	-	43.582.010.190
	<b>2.190.625.423.342</b>	<b>80.000.000</b>	<b>67.424.130</b>	<b>2.190.772.847.472</b>



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng phải thu khó đòi:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	625.827.625	(49.769.917)	576.057.708	(33.712.065)
				528.042.065

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	33.712.065	-
Trích lập dự phòng trong năm	16.057.852	33.712.065
Số dư cuối năm	49.769.917	33.712.065

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo, ở mức độ cao nhất có thể, Công ty luôn có đủ thanh khoản để đáp ứng các khoản phải trả khi đến hạn, cả trong điều kiện tài chính bình thường và căng thẳng, mà không phát sinh những tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

***Thời gian đáo hạn theo hợp đồng***

Các chính sách, thủ tục sau đây được áp dụng để giảm thiểu rủi ro thanh khoản:

- Công ty đã thiết lập cơ chế theo dõi thường xuyên các chỉ số thanh khoản để đo lường, giám sát khả năng thanh khoản của Công ty, từ đó kịp thời nhận diện, phát hiện những bất thường và triển khai các kế hoạch/giải pháp phù hợp.
- Nguyên tắc phân bổ tài sản và giới hạn loại tài sản được ban hành nhằm đảm bảo công ty có đủ nguồn tài chính sẵn có để đáp ứng nghĩa vụ thanh toán. Công ty đầu tư chủ yếu vào các tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi.
- Lập kế hoạch dự phòng tài chính khi cần thiết để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính trong trường hợp khẩn cấp cũng như khi có sự kiện xảy ra.

Bảng dưới đây phân loại các khoản nợ tài chính phi phái sinh của Công ty thành các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên thời gian còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Số tiền trình bày trong bảng là dòng tiền chưa chiết khấu theo hợp đồng.

**Ngày 31 tháng 12 năm 2024**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Phải trả cho người bán	59.304.904.084	59.304.904.084	59.304.904.084
Chi phí phải trả	23.512.477.682	23.512.477.682	23.512.477.682
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	457.364.531	457.364.531	457.364.531
	<b>83.274.746.297</b>	<b>83.274.746.297</b>	<b>83.274.746.297</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2023**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Phải trả cho người bán	19.391.035.850	19.391.035.850	19.391.035.850
Chi phí phải trả	15.062.996.965	15.062.996.965	15.062.996.965
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	392.238.665	392.238.665	392.238.665
	<b>34.846.271.480</b>	<b>34.846.271.480</b>	<b>34.846.271.480</b>

1120  
H N  
IG T  
KPI  
HỒ H

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Quản lý vốn và các yêu cầu về vốn pháp định**

Mục tiêu chính của Công ty trong việc quản lý vốn là luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh và tuân thủ các yêu cầu về vốn pháp định.

Các yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ hoạt động của Công ty yêu cầu Công ty phải nắm giữ tài sản đủ để trang trải các khoản nợ và đáp ứng các yêu cầu về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về biên khả năng thanh toán áp dụng cho Công ty được quy định tại các quy định liên quan của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây tóm tắt biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Công ty. Cục giám sát bảo hiểm (“ISA”) quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo công ty bảo hiểm thực hiện quyền lợi đối với chủ hợp đồng bảo hiểm một cách thỏa đáng. Đồng thời, ISA cũng quan tâm đến việc đảm bảo rằng Công ty duy trì khả năng thanh toán phù hợp để đáp ứng các nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa thiên tai.

	<b>Biên khả năng thanh toán của Công ty Triệu VND</b>	<b>Biên khả năng thanh toán tối thiểu Triệu VND</b>	<b>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán %</b>
Tại 31 tháng 12 năm 2024	1.910.909	42.500	4.496
Tại 31 tháng 12 năm 2023	2.155.954	20.110	10.721

Tỷ lệ khả năng thanh toán của Công ty được tính toán dựa trên các quy định có liên quan do Bộ Tài chính ban hành, là chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán tổng thể của hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

**29. Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
Trong vòng một năm	26.976.249.244	25.766.265.654
Từ hai đến năm năm	84.674.395.768	38.695.155.849
Trên 5 năm	102.160.268.507	-
	<b>213.810.913.519</b>	<b>64.461.421.503</b>



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNNT**

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Cam kết vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Đã duyệt và ký hợp đồng	56.981.999.688	21.780.482.267

**31. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	5.294.862.232	3.997.144.300

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Lê Thị Minh Thúy  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bạc Seung Jun  
Tổng Giám đốc